

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-3-2020  
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Lâm
2. Ông Trần Bình Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Diễm D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện V, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Hải Th, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện V, tỉnh Long An.

Bà D có mặt, ông Th vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/01/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Bà D và ông Th sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình thì tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2003 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2003; Sau khi cưới vợ chồng bà sinh sống tại ấp C, xã N, huyện V, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông Th không quan tâm vợ con, không chia sẻ công việc trong gia đình, ông Th thường xuyên chơi số đề nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hạnh phúc, đôi lúc ông Th còn có hành vi đánh đập bà. Bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn tháng 9 năm 2019, khi Tòa án mời ông Th thì ông Th hứa thay đổi và vì thương con nên bà rút đơn ly hôn nhưng ông Th không thực hiện lời hứa, tình trạng mâu thuẫn giữa bà và ông Th không giải quyết được, từ tháng 12/2019 đến nay bà và ông Th không còn sống chung; Vợ chồng bà có 02 con chung tên Huỳnh Trần Bảo Ng, sinh ngày 29/4/2004, Huỳnh Hữu Th1, sinh ngày 05/8/2009, các con đang ở chung với bà D. Hiện tại, bà là giáo viên dạy học nên mức thu nhập hàng tháng đủ chi tiêu trong gia đình và chăm lo cho các con. Bà D xác định không còn tình cảm với ông Th, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với các yêu cầu cụ thể: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Th; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Trần Bảo Ng, sinh ngày 29/4/2004 và Huỳnh Hữu Th1, sinh ngày 05/8/2009; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông Th trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà D về điều kiện kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông đồng ý ly hôn, về nuôi con chung đồng ý giao cho bà D nuôi dưỡng, không tranh chấp tài sản chung và nợ chung.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định.

Nội dung vụ án: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Th vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ tháng 12/2019, hôn nhân không có mục đích, ông Th thì có ý kiến thống nhất ly hôn theo đơn yêu cầu của bà D và đồng ý giao các con chung cho bà D nuôi dưỡng; Bà D và ông Th không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D, bà D được ly hôn với ông Th, giao hai con chung cho bà D nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Th và yêu cầu nuôi con chung, ông Th có nơi cư trú tại ấp C, xã N, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà D và ông Th là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 07/02/2003 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà D xác định bà không còn tình cảm với ông Th, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cự cãi không hạnh phúc, ông Th không quan tâm, không chia sẻ công việc trong gia đình với vợ con, ông Th còn có hành vi bạo lực với bà D; Tháng 9 năm 2019, bà D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn và từ tháng 12 năm 2019 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau; Ông Th cũng thống nhất việc ly hôn theo yêu cầu của bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà D và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Các con chung tên Huỳnh Trần Bảo Ng, Huỳnh Hữu Th1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà D và hiện đang sinh sống cùng với bà D; Bà D hiện làm giáo viên trường tiểu học N, có thu nhập ổn định, có điều kiện giáo dục, nuôi dạy con tốt, đồng thời, ông Th không tranh chấp với bà D về việc nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà D, giao các con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà D và ông Th đều không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà D.

[6] Về án phí: Do bà D không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Trần Thị Diễm D.

**Về hôn nhân:** Bà Trần Thị Diễm D được ly hôn với ông Huỳnh Hải Th.

**Về con chung:** Giao con chung tên Huỳnh Trần Bảo Ng (Giới tính: nữ), sinh ngày 29/4/2004 và Huỳnh Hữu Th1, (Giới tính: nam), sinh ngày 05/8/2009 cho bà Trần Thị Diễm D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Trần Thị Diễm D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

**Về án phí:** Bà Trần Thị Diễm D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Diễm D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 31/01/2020 theo biên lai thu tiền số 0004708 sang tiền án phí.

Báo cho bà D biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND/x B, H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Liễu**

